

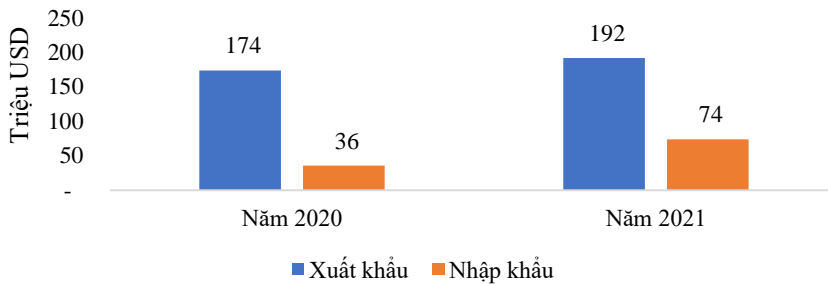
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

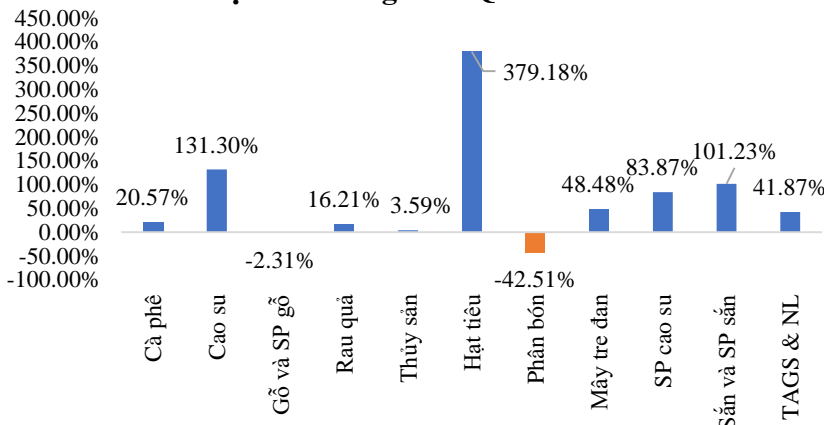
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T5-2021/2020**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T5-2021/2020**

Xuất khẩu	▲ 10,53 %
Nhập khẩu	▲ 107,10 %

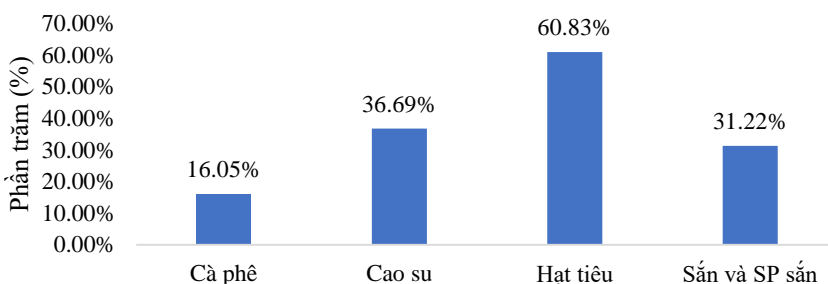
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T5-2021/2020**



So sánh T5-2021/2020

Cà phê	▲ 20,57%
Cao su	▲ 131,30%
Gỗ và SP gỗ	▼ 2,31%
Hàng rau quả	▲ 16,21%
Hàng thủy sản	▲ 3,59%
Hạt tiêu	▲ 379,18%
Phân bón	▼ 42,51%
Mây tre đan	▲ 48,48%
SP từ cao su	▲ 83,87%
Sản và SP sản	▲ 101,23%
TAGS & NL	▲ 41,87%

Biến động giá xuất khẩu bình quân T5-2021/2020



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T5-2021/2020**

Cà phê	▲ 16,05%
Cao su	▲ 36,69%
Hạt tiêu	▲ 60,83%
Sản và SP sản	▲ 31,22%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK), kinh tế nước này trong quý I/2021 tăng trưởng nhanh hơn so với dự kiến nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của xuất khẩu và đầu tư cơ sở vật chất. Số liệu sơ bộ của BoK công bố cho thấy nền kinh tế lớn thứ tư châu Á đã đạt mức tăng trưởng 1,7% trong quý đầu tiên của năm 2021 (so với quý IV/2020) và cao hơn 0,1% so với dự kiến trước đó. Tăng trưởng hàng năm của Hàn Quốc trong giai đoạn từ tháng 1-3/2021 cũng đã được điều chỉnh lên 1,9% (tăng 0,1%).

Theo Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc, xuất khẩu dâu tây của nước này trong năm tháng đầu năm 2021 ước đạt 49 triệu USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước, do sản lượng tăng cao và nhu cầu gia tăng trong đại dịch. Chính phủ nước này đã tổ chức 88 chuyến bay cứu trợ tới Singapore từ tháng 12 năm ngoái để giúp nông dân trồng dâu tây vận chuyển sản phẩm giữa đại dịch COVID-19. Năm 2021, Hàn Quốc đạt mục tiêu xuất khẩu dâu tây với kim ngạch 65 triệu USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

Ngày 7/6/2021, Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc (MAFRA) cho biết nước này có kế hoạch xuất kho 80.000 tấn gạo ra thị trường trong tháng 6 này nhằm bình ổn giá và đối phó với tình trạng thiếu nguồn cung. Theo MAFRA, động thái trên sẽ giúp tăng khối lượng gạo dự trữ được đưa ra thị trường kể từ tháng 1 lên 290.000 tấn. Trước đó, MAFRA công bố sẽ xuất kho 370.000 tấn gạo dự trữ để cung ứng cho thị trường trong năm nay.

Năm ngoái, tổng sản lượng gạo của Hàn Quốc chỉ đạt 3,5 triệu tấn, ít hơn 120.000 tấn so với mục tiêu quốc gia hàng năm là 3,6 triệu tấn. Tình trạng thiếu hụt gạo diễn ra khi Hàn Quốc hứng chịu nhiều cơn bão mạnh, bao gồm bão Maysak, Haishen và trải qua một mùa mưa dài kỷ lục, kéo dài trong 54 ngày.

Tháng 05/2021, Việt Nam xuất khẩu 192,0 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 39,5%, thứ hai là thủy sản với 34,8%, rau quả chiếm 7,7%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, chỉ có 2 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là gỗ và sản phẩm gỗ và phân bón, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2020.

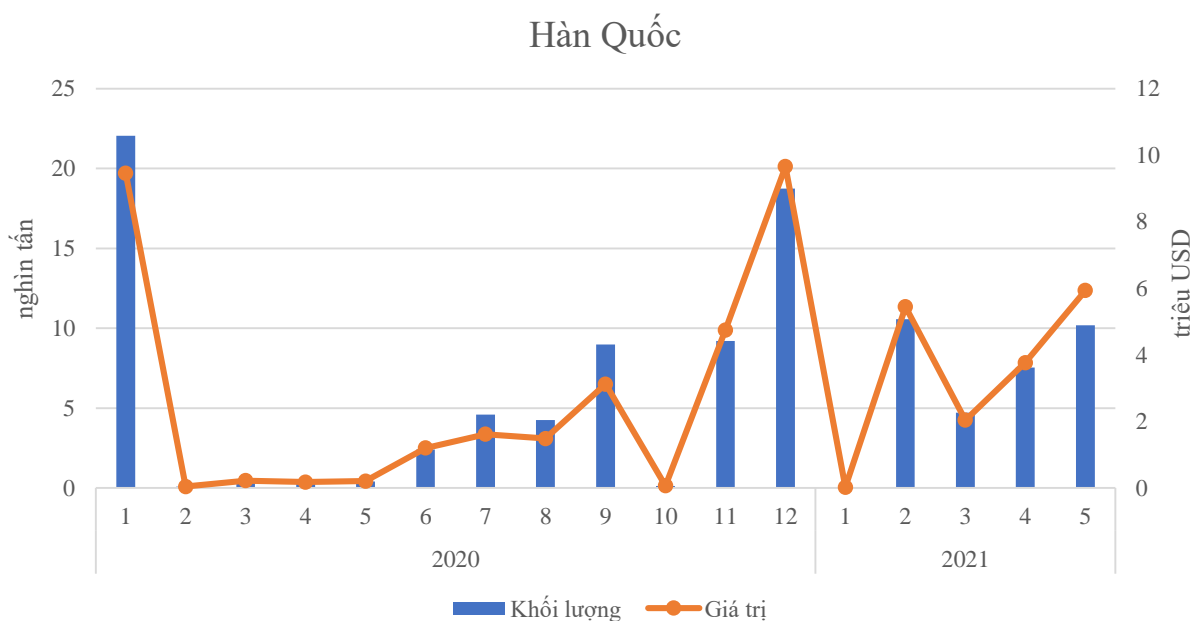
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 6/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hàn Quốc trong năm 2021 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 3,51 triệu tấn, giảm 0,24 nghìn tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hàn Quốc ước đạt 450 nghìn tấn, giảm khoảng 15 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 10,2 nghìn tấn gạo, trị giá 5,9 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng 34,9% về khối lượng và 57,6% về giá trị so với tháng trước; và tăng rất cao so với mức 0,4 nghìn tấn và 0,2 triệu USD so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2021 đạt 33,1 nghìn tấn gạo, trị giá 17,2 triệu USD, tăng 41,6% về khối lượng và 70,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

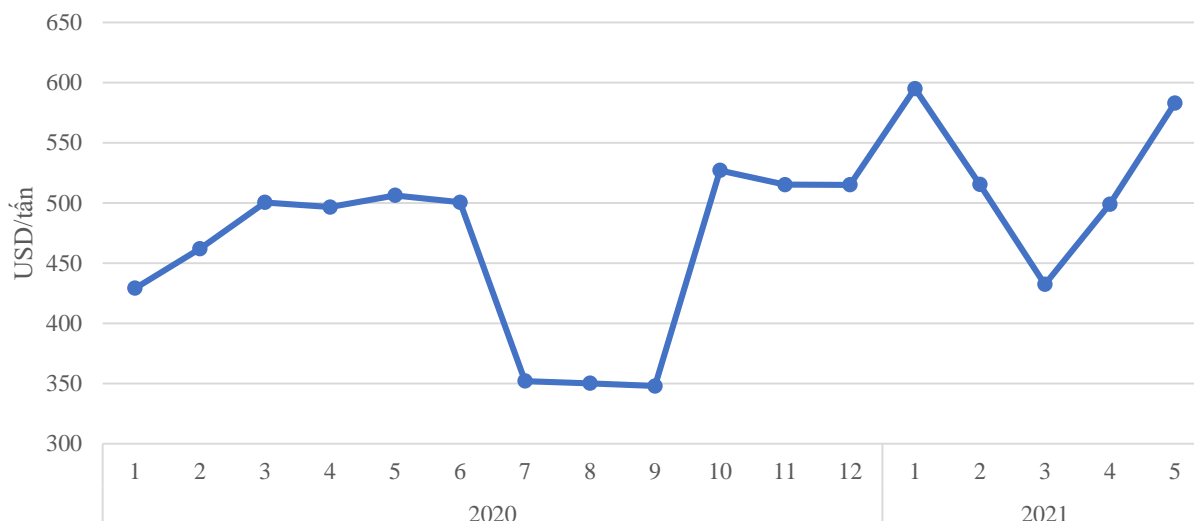
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 5/2021 đạt 583,0 USD/tấn, tăng 16,8% so với tháng trước và 15,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

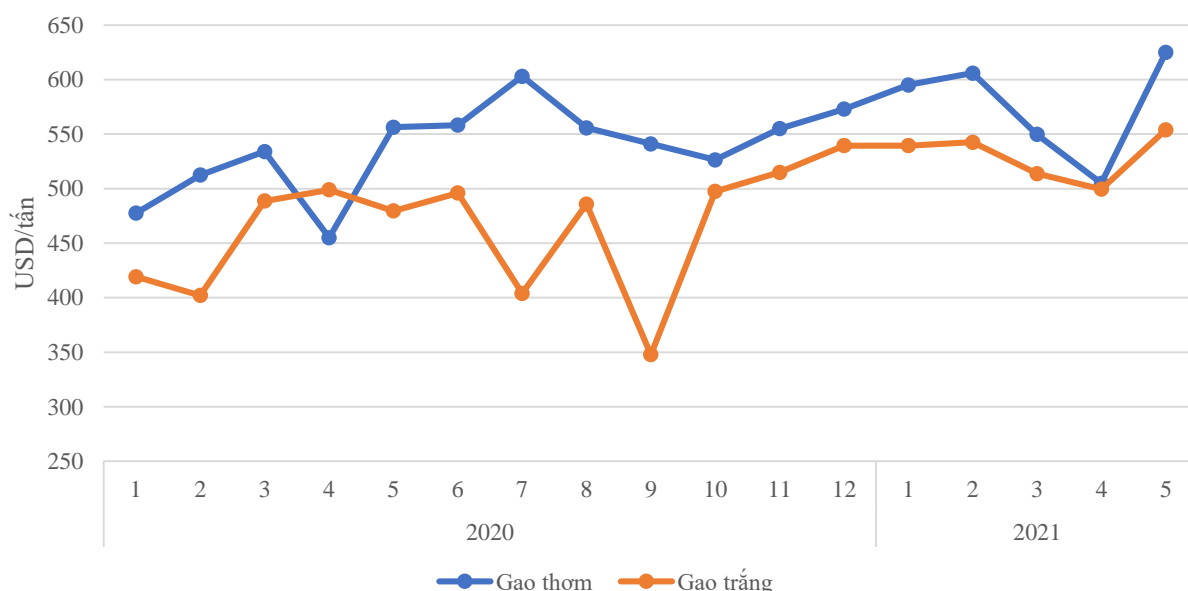


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 99,5% về khối lượng và 99,5% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc.

Giá xuất khẩu gạo trắng tháng 5/2021 đạt trung bình 554,0 USD/tấn, tăng 10,9% so với tháng trước và 15,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo thơm đạt 625,0 USD/tấn, tăng 23,8% so với tháng trước và 12,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

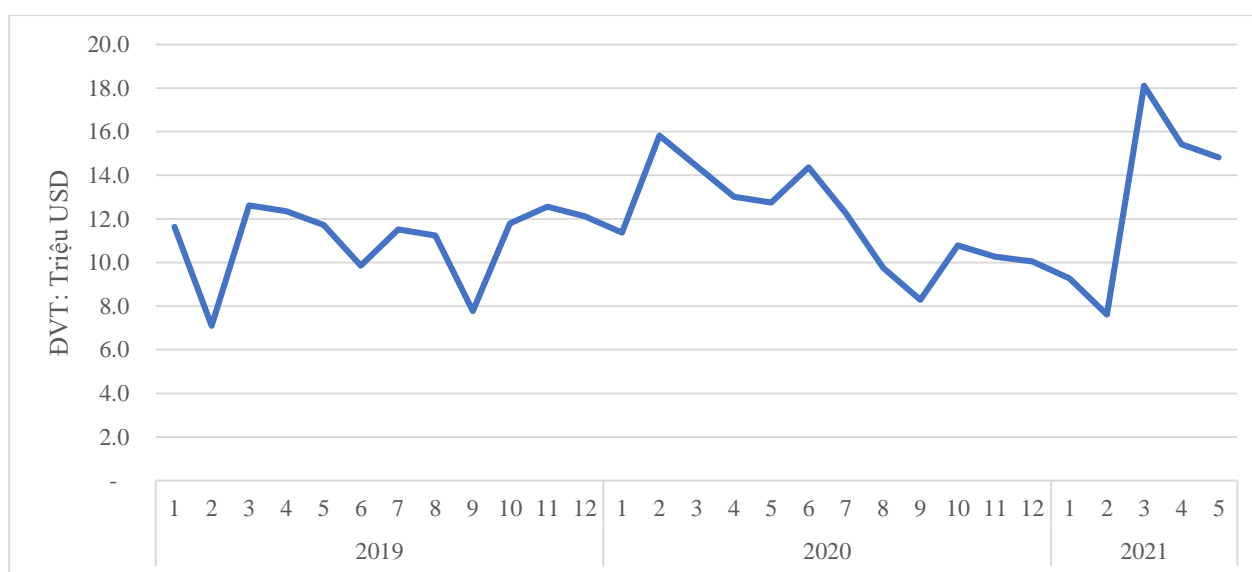
Trong tháng 5/2021, Top 3 xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thuận Minh, Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh và Công ty

TNHH Khánh Tâm. Tỷ trọng của các công ty này lần lượt là 99,41%, 0,40% và 0,18% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 5/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thuận Minh và Công ty TNHH Khánh Tâm đều không xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 5/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 5/2021, còn Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh tăng 66,4%.

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 5 năm 2021 đạt 14,8 triệu USD, chiếm 4,4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 3,9% so với tháng trước và tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung năm tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 65,2 triệu USD, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc

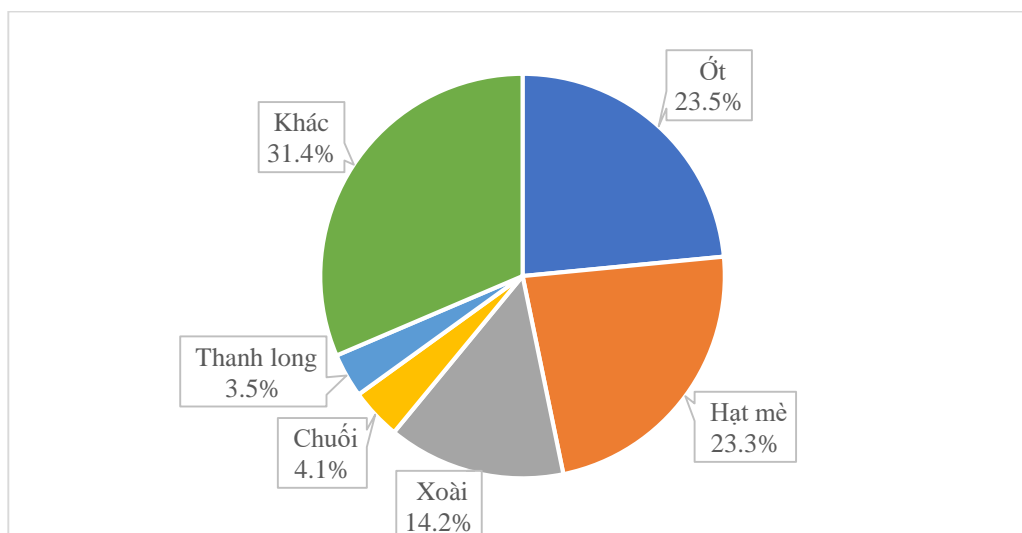


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 5 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,1 triệu USD (chiếm 55,0% thị phần, tăng 35,7% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,7 triệu USD (chiếm 45,0% thị phần, giảm 1,1%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 4,7 triệu USD, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,1 triệu USD (giảm 40,9%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 678,1 nghìn USD (giảm 11,5%); ...

Trong tháng 5 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: ớt đạt 3,5 triệu USD (chiếm 23,5% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 39,8% so với cùng kỳ năm 2020); hạt mè đạt 3,5 triệu USD (chiếm 23,3%), tăng 31,0%; xoài đạt 2,1 triệu USD (chiếm 14,2%), tăng 35,3%; chuối đạt 605,3 nghìn USD (chiếm 4,1%), tăng 27,7%; thanh long đạt 523,3 nghìn USD (chiếm 3,5%), tăng 43,6%; ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 5 năm 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

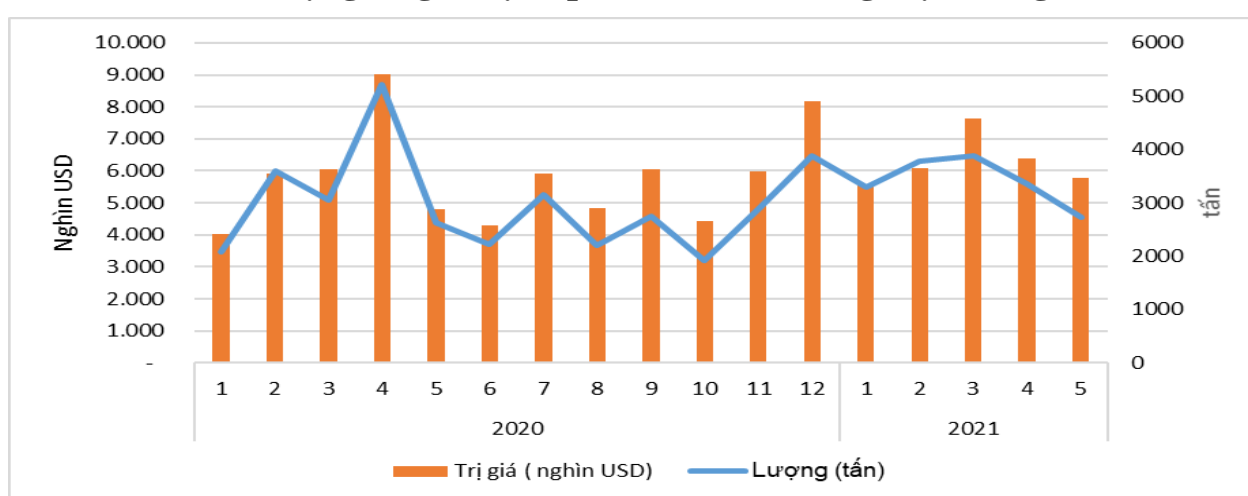
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 5 năm 2021 đạt 2,1 triệu USD, chiếm 1,8% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung năm tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 16,9 triệu USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 5/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là rong biển đạt 1,2 triệu USD (chiếm 57,4%), tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2020; nấm các loại đạt 206,5 nghìn USD (chiếm 9,7%), giảm 4,7%; dâu tây đạt 178,2 nghìn USD (chiếm 8,4%), giảm 15,1%; ...

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Y.K. Vina, Công ty TNHH SX Thương mại HDH và Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Giavico với thị phần xuất khẩu lần lượt là 19,1%; 4,2% và 3,9%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Y.K. Vina tăng 20,6%, Công ty TNHH SX Thương mại HDH tăng 10,0% và Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Giavico tăng 9,0%.

3. CÀ PHÊ

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 5/2021 đạt 2.721 tấn, trị giá 5,78 triệu USD, giảm 18,7% về lượng và giảm 9,45 % về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 5/2020, xuất khẩu cà phê tăng 3,89 % về lượng và giảm 20,57% về giá trị. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2021 đạt 17.033 tấn, trị giá 31,43 triệu USD, tăng 2,89% về lượng và 5,39% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

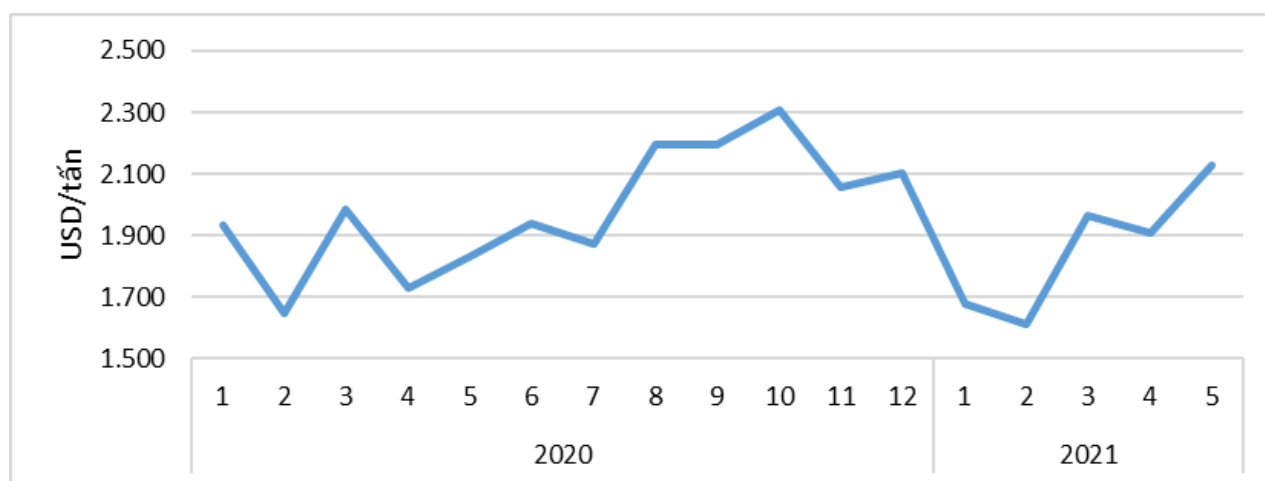
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 2.126 USD/tấn, tăng 11.392,82 % so với tháng 4/2021 và tăng 16,05 % so với cùng kỳ tháng 05/2020.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc

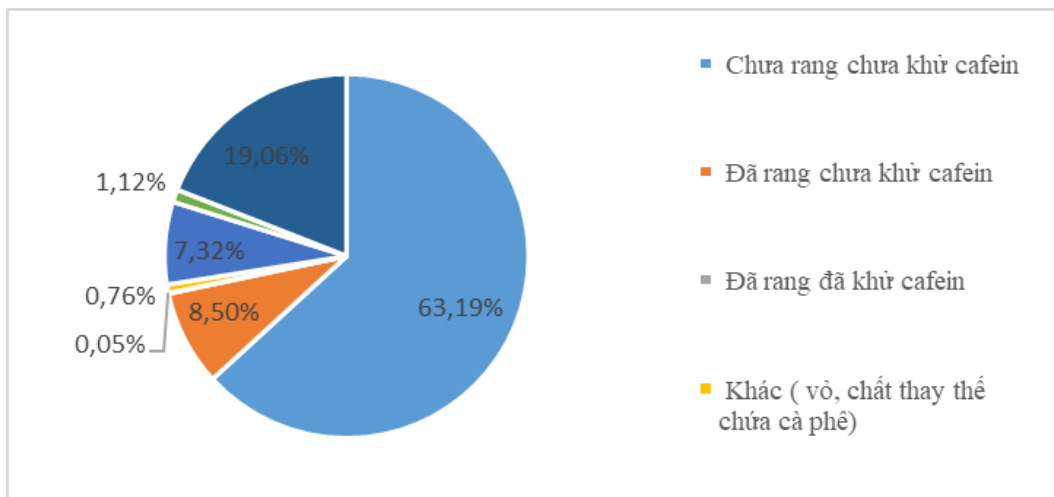


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 72,86%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 26,38%, tỷ trọng cà phê chế biến đã tăng 54,82% so với tháng trước nhưng giảm 7,45% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 5/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 3,65 triệu USD, chiếm tỷ trọng 63,19%, tăng 4,47% so cùng kỳ năm 2020. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 1,1 triệu USD, chiếm 19,06%, tăng 83,71% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 491 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 8,5%, tăng 38,6% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 423 nghìn USD, chiếm 7,32%, tăng 25,48 % so với cùng kỳ. Đặc biệt, xuất khẩu cà phê khác (vỏ, chất thay thế chứa cà phê..) tăng 558% so với cùng kỳ với 43,8 nghìn USD.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn, Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắc Lắc, Công Ty Olam Việt Nam với thị phần lần lượt là: 16,84 %; 15,51% và 13,86%.

Về tình hình thị trường cà phê tại Hàn Quốc:

Theo Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, bất chấp ảnh hưởng đại dịch COVID-19 gây ra, nhập khẩu hạt cà phê thô của quốc gia này đạt tổng cộng 52.285 tấn trong 4 tháng đầu năm nay, tăng 14,8% so với một năm trước. Số lượng quán cà phê cũng tăng lên so với một năm trước. Theo dữ liệu do Cục Thuế Quốc gia, số lượng cửa hàng cà phê tính đến tháng 3 là 73.950 cửa hàng, tăng 16,4% so với một năm trước đó. Doanh thu của các nhà điều hành nhượng quyền cà phê lớn bao gồm Starbucks Korea, Ediya Coffee Co, A Twosome Place đã đánh dấu mức tăng trưởng tích cực

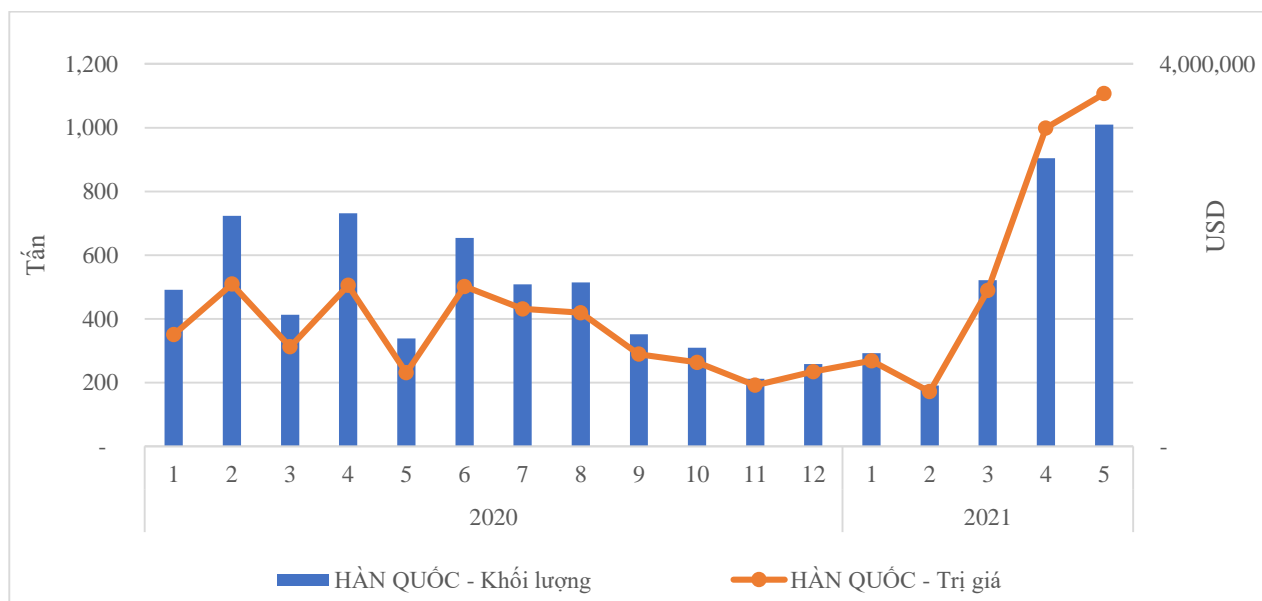
trong năm ngoái so với một năm trước đó. Ngay cả cà phê pha ngay bán tại các chuỗi cửa hàng tiện lợi cũng đang ngày càng phổ biến. GS25 đã chứng kiến doanh số bán cà phê pha liền của mình đạt 157 triệu cốc vào năm ngoái, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm ngoái. CU cũng ghi nhận mức tăng trưởng 19,7% lên 140 triệu cốc trong cùng kỳ. Điều đáng lưu ý, mặc dù trong thập kỷ qua, các chuỗi cà phê đã có sự phát triển bùng nổ ở Hàn Quốc về quy mô thị trường và lợi nhuận, nhưng không một nhà điều hành nào hoàn thành IPO thành công.

Chuỗi Starbucks dự kiến cung cấp dịch vụ giao hàng riêng từ hơn 120 cửa hàng trên khắp Seoul và các khu vực đô thị bắt đầu từ giữa tháng Sáu. Chuỗi cà phê số 1 ở Hàn Quốc đang tìm kiếm thêm một nguồn doanh thu mới trong bối cảnh đại dịch kéo dài sau khi lợi nhuận hoạt động đạt 166,4 tỷ won (tương đương 147,39 triệu USD), giảm 6,1% so với cùng kỳ năm ngoái, với doanh thu 1,92 nghìn tỷ won, giảm khoảng 2 nghìn tỷ won. Hàn Quốc là thị trường lớn thứ năm của Starbucks với hơn 1.500 cửa hàng.

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1.010 tấn hồ tiêu với trị giá gần 3,7 triệu USD, tăng 11,73% về khối lượng và tăng 10,83% về giá trị so với tháng 4/2021 và tăng 197,94% về khối lượng và tăng 379,18% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

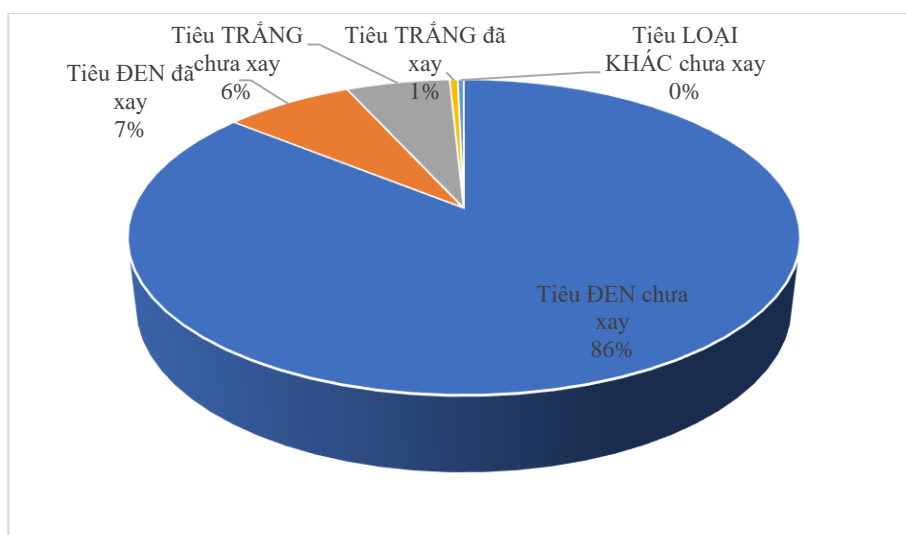
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 5/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 85,82% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 2,16% so với tháng trước và tăng 12,55% so với cùng kỳ năm trước. Các sản phẩm như tiêu đen đã xay (7,4%), tiêu trắng đã xay (chiếm 0,47%) đều giảm so với tháng trước ở mức lần lượt là (-1,69% và -1,41%) và cùng kỳ năm trước (lần lượt là -2,99% và 99,53%). Điều này cho thấy thị hiếu của người tiêu dùng và các doanh nghiệp, cơ sở chế biến của thị trường này chuyển dịch sang sản phẩm tiêu đen chưa xay tương đối nhiều.

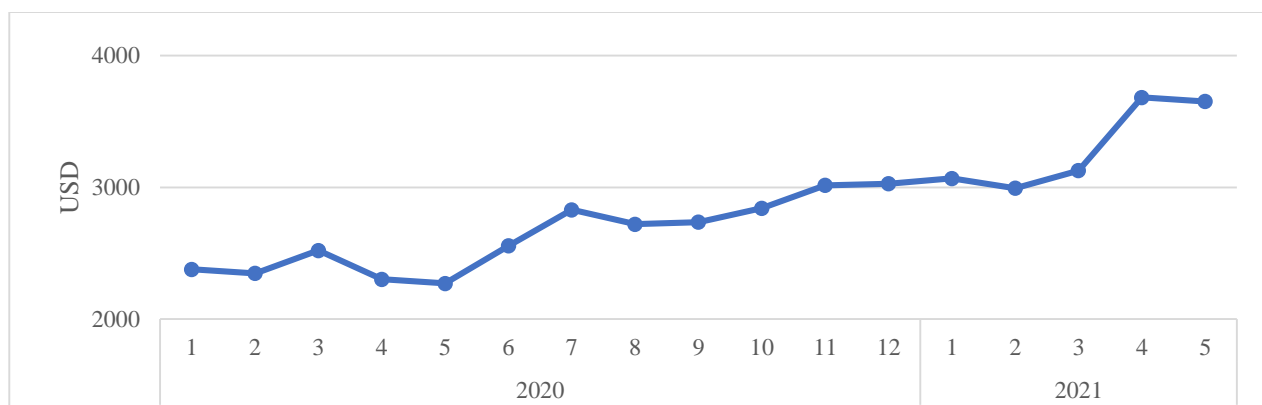
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 05/2021



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tình trạng tăng trưởng về khối lượng xuất khẩu tăng cao hơn tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu là do giá xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này giảm. Giá xuất khẩu trung bình tháng 5/2021 đạt 3.653 USD/tấn, giảm 0.8%% so với tháng 4/2021 và tăng 60,8% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)



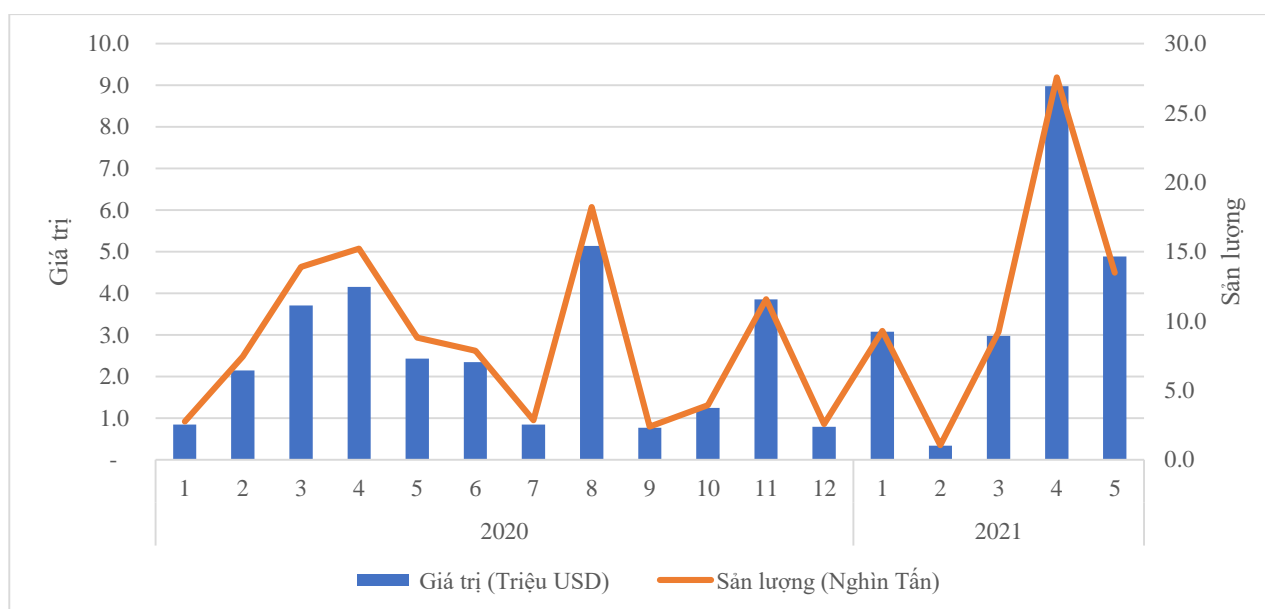
Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 5/2021, vẫn giữ vị trí số 1 trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Ottogi Việt Nam, chiếm 61,73% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, tăng 7,6% so với tháng trước và tăng 817,2% so với cùng kỳ năm trước. Xếp sau là Công ty CP XNK Petrolimex (chiếm 13%) và Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam (chiếm 6,06%), đều tăng trưởng rất mạnh so với tháng trước đó, ở mức lần lượt là 148, 6% và 3.290,5%, trong đó, Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam là doanh nghiệp vốn có thị trường xuất khẩu chính là Hoa Kỳ và Hàn Quốc chỉ là một trong các thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng nhỏ trước đây của công ty này.

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 13,5 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá gần 4,9 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 51,4% về khối lượng và giảm 45,6% về giá trị so với tháng 4/2021; tăng 53,4% về khối lượng và tăng 101,2% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2021 đạt 57,7 nghìn tấn, trị giá 19,1 triệu USD, tăng 19,8% về khối lượng và tăng 44,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc

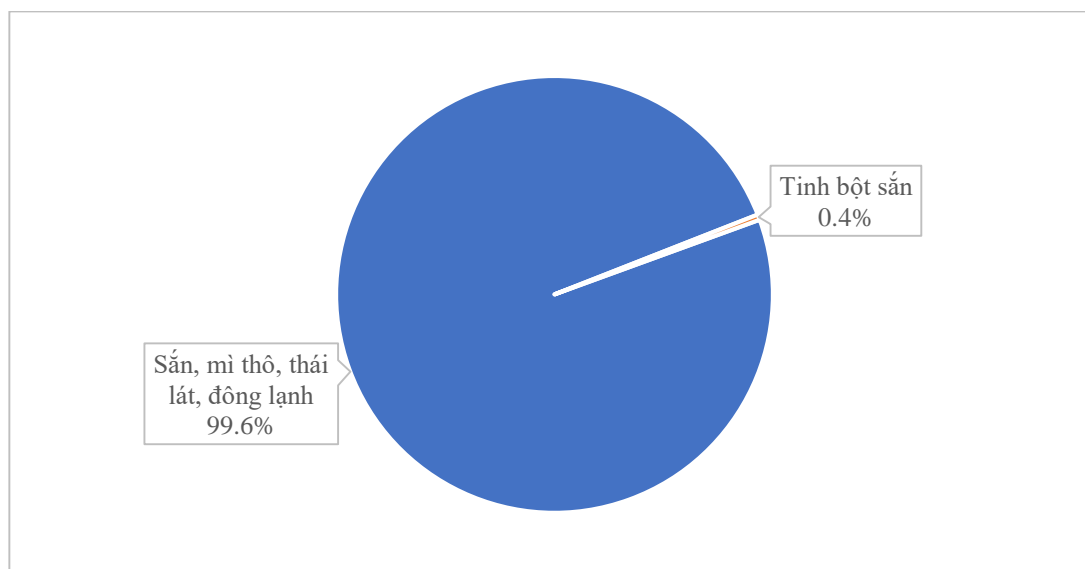


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 6,3% về khối lượng và 5,7% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 5 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu sản lát, đông lạnh đạt 4,9 triệu USD, chiếm 99,6% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường

Hàn Quốc, tăng 112,2% so với cùng kỳ năm trước và tinh bột sắn đạt 19,5 nghìn USD (chiếm 0,4%), giảm 82,2%.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sắn sang thị trường Hàn Quốc

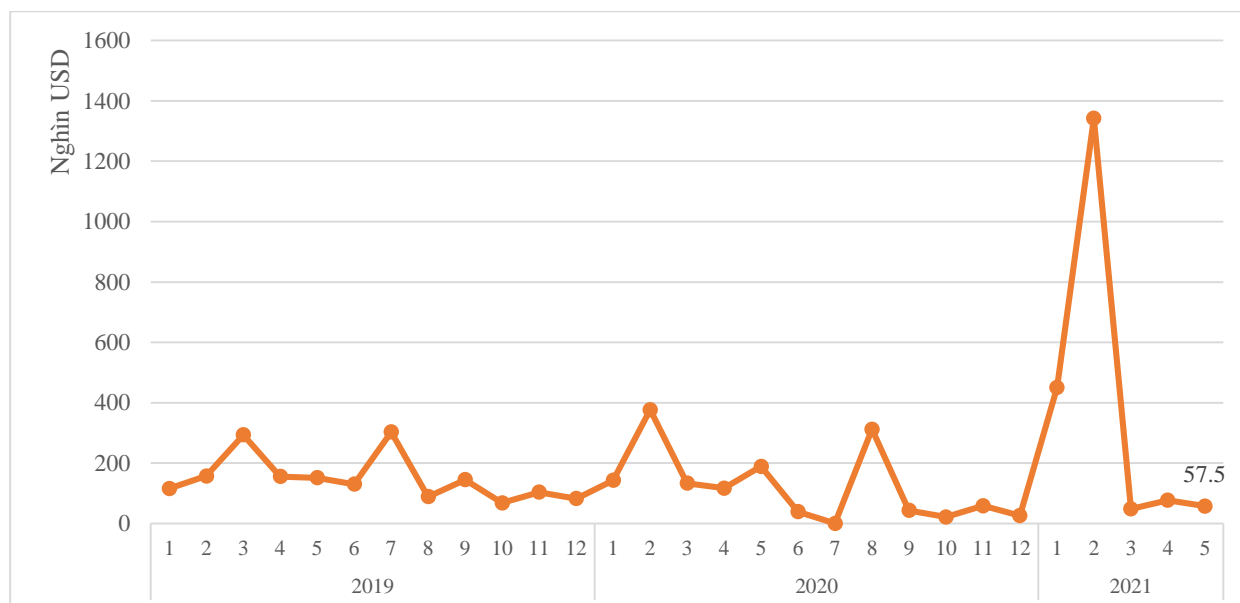


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Thương mại Hoàng Long, Công ty CP Nông sản Tràng An và Công ty CP Đầu tư Sáng tạo Á Châu với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 57,2%; 39,4% và 1,7%. So sánh với kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Đầu tư Sáng tạo Á Châu giảm 88,1%. Trong khi đó, Công ty TNHH Thương mại Hoàng Long và Công ty CP Nông sản Tràng An không xuất khẩu trong tháng 5/2020 nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 5/2021.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong tháng 5/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tăng nhẹ so với tháng trước, đạt 57,5 nghìn USD, và giảm 24,7% so với tháng trước, và giảm 69,5 cùng kỳ năm 2020. Tính tổng 5 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,97 triệu USD, tăng 106% so với cùng kỳ năm 2020. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trong tháng này gồm thịt ếch và thịt chế biến. Trong đó, chỉ có 2 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 5 là Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn, Công Ty TNHH Một Thành Viên Hùng Phúc.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

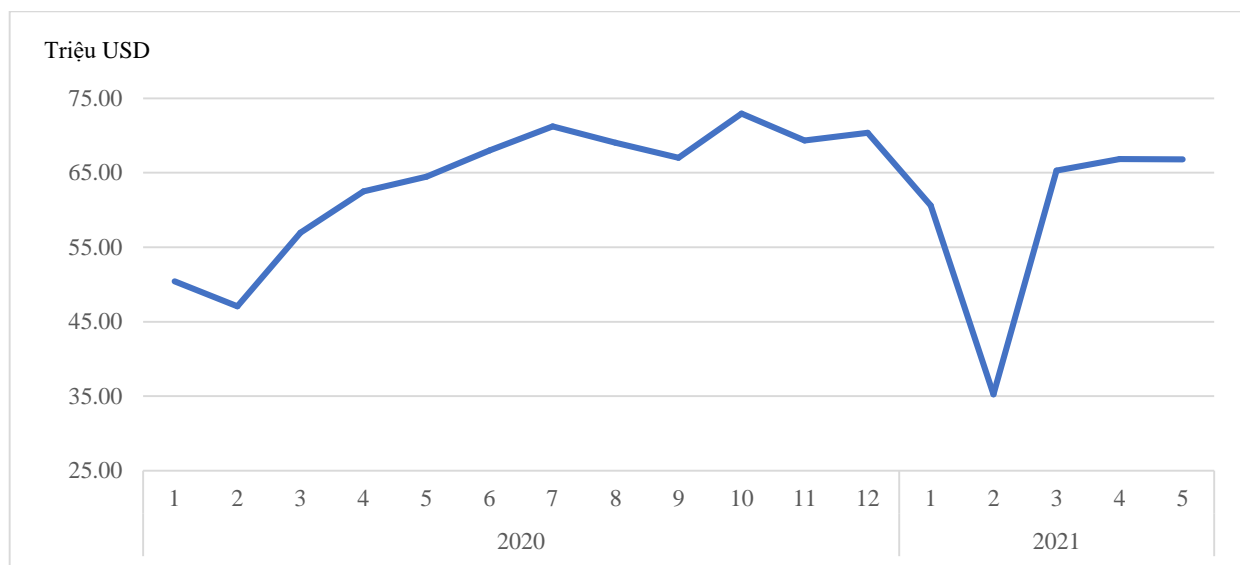
Về nhập khẩu, trong tháng 5/2021, Việt Nam đã nhập khẩu 3,98 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc tăng 2,2% so với tháng trước, đưa tổng giá trị nhập khẩu 5 tháng đầu năm đạt 17,7 triệu USD, giảm 17,7% so với cùng kỳ năm 2020 (21,6 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ, chiếm 99,6%.

7. THỦY SẢN

Trong tháng 5/2021, nhập khẩu gẹc cắt miếng đông lạnh của Hàn Quốc đạt 771 tấn, tăng 87%, nhiều hơn 413 tấn so với cùng kỳ năm 2020. Luỹ kế 5 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu của Hàn Quốc đạt 4.910 tấn, giảm 21% so với cùng kỳ. Các nhà xuất khẩu gẹc cắt miếng đông lạnh chính cho thị trường này là Trung Quốc (chiếm 78%, đạt 3.832 tấn), Tunisia (chiếm 14%, đạt 677 tấn), Bahrain (chiếm 8%, đạt 383 tấn) và Ấn Độ (chiếm 0.4%, đạt 18 tấn).

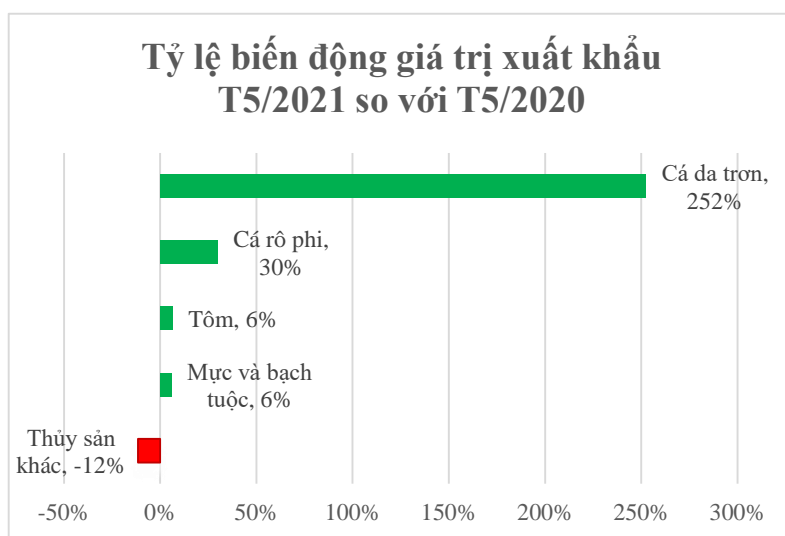
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 5/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 66,83 triệu USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 13,10% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 4/2021 chiếm 49,7% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 28,7%.

Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục giữa đà tăng trưởng trong tháng này. Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu mực và bạch tuộc lớn nhất của Việt Nam, chiếm đến hơn 42% tổng giá trị xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm 2021.

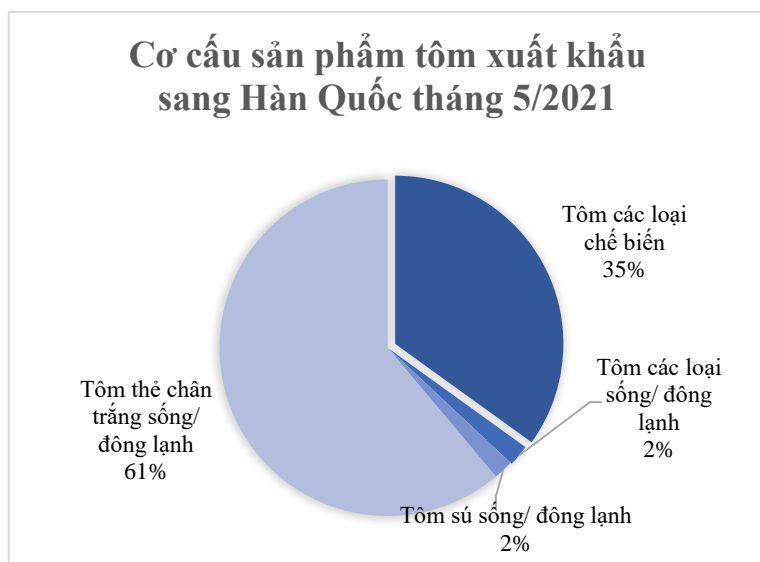


So với tháng 5/2020

- ✚ Cá da trơn đạt 0,52 (tr.USD) ▲ 252,4%
- ✚ Cá rô phi đạt 0,23 (tr.USD) ▲ 29,9%
- ✚ Tôm đạt 33,19 (tr.USD) ▲ 6,4%
- ✚ Mực và bạch tuộc đạt 19,19 (tr.USD) ▲ 5,8%
- ✚ Thủy sản khác đạt 13,06 tr.USD, ▼ 11,6%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm trong tháng 5/2021 vẫn giữ được nhịp tăng trưởng ổn định. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 61%, tôm chế biến đứng thứ 2 chiếm 34,9% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

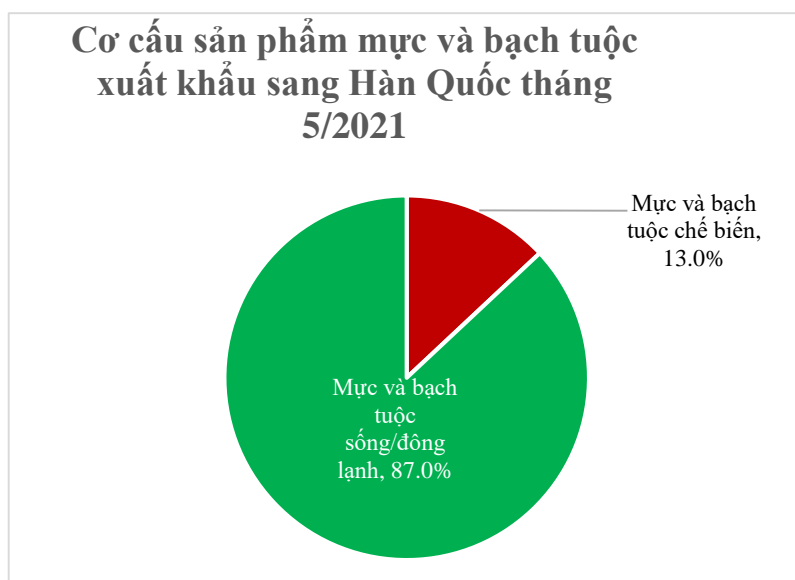


So với tháng 5/2020

- ✚ Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 20,29 (tr.USD), ▲ 1,3%
- ✚ Tôm chế biến các loại đạt 11,60 (tr.USD), ▲ 8,4%
- ✚ Tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,63 (tr.USD), ▲ 6,4%
- ✚ Tôm các loại khác đạt 0,68 (tr.USD), ▲ 185,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 5 năm 2021 đạt 19,19 triệu USD, tăng 5,8%% so với cùng kỳ năm 2020. Nhu cầu tiêu dùng mực và bạch tuộc ở Hàn Quốc chưa có xu hướng tăng trưởng trở lại do tác động của dịch Covid 19 (các nhà hàng, khách sạn đóng cửa, khách du lịch hạn chế).



So với tháng 5/2020

- ✚ Mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 16,69 (tr.USD), ▲ 12,4%
- ✚ Mực và bạch tuộc chế biến đạt 11,60 (tr.USD), ▼ 23,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 5/2021, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 5/2020. Cụ thể: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,10 USD/kg, tăng 5,1%; Mực và bạch tuộc đạt 9,46 USD/kg, tăng 6,1%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 5/2021

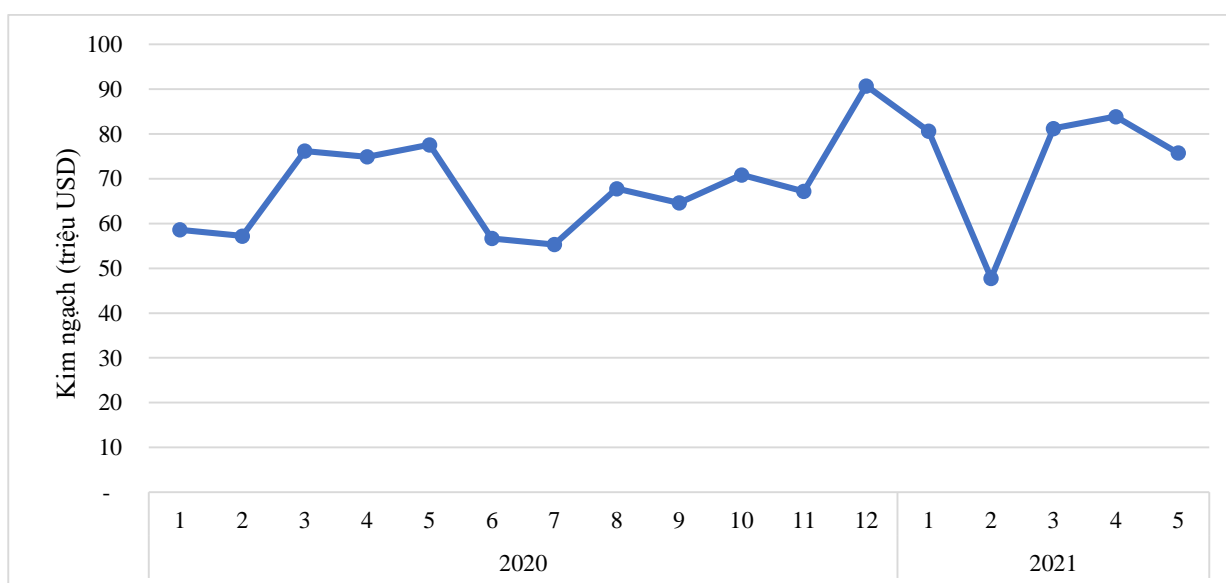
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,89	13,9%	4,1%
2	Cá rô phi	2,50	-22,7%	-8,3%
3	Cua, ghẹ	5,66	12,5%	10,8%
4	Mực và bạch tuộc	9,46	6,1%	11,6%
5	Tôm	8,10	5,1%	-2,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty cổ phần chên biển và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 6,6% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH MTV chế biến thủy sản và XNK Ngọc Trinh Bạc Liêu chiếm 4,1%; Công ty thủy sản Minh Phú – Hậu Giang chiếm 3,8%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

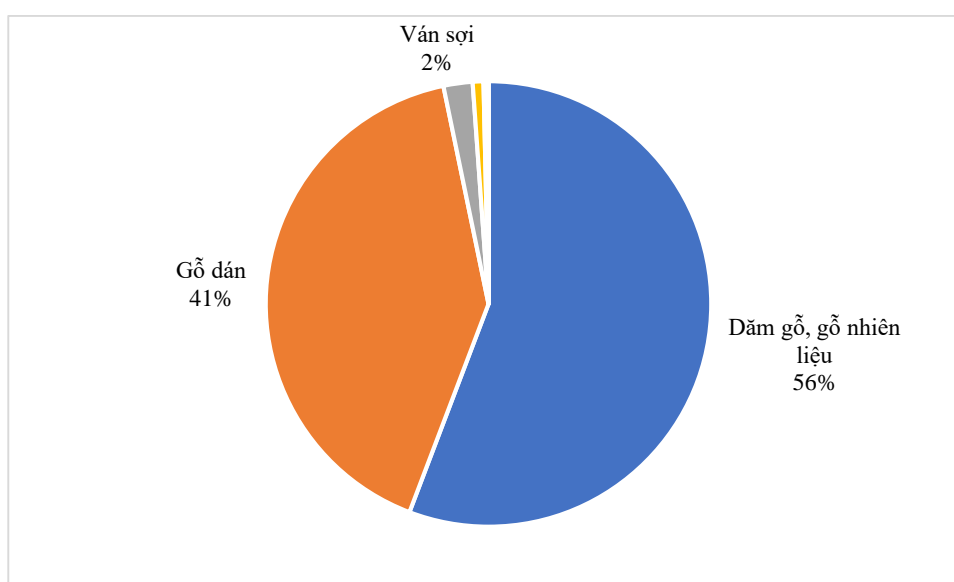
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 75,8 triệu USD, giảm 9,6% so với tháng trước và 2,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 16: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 05/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 27,1 triệu USD, chiếm 55,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 19,9 triệu USD, chiếm 41,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 2,1% và 0,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 05/2021



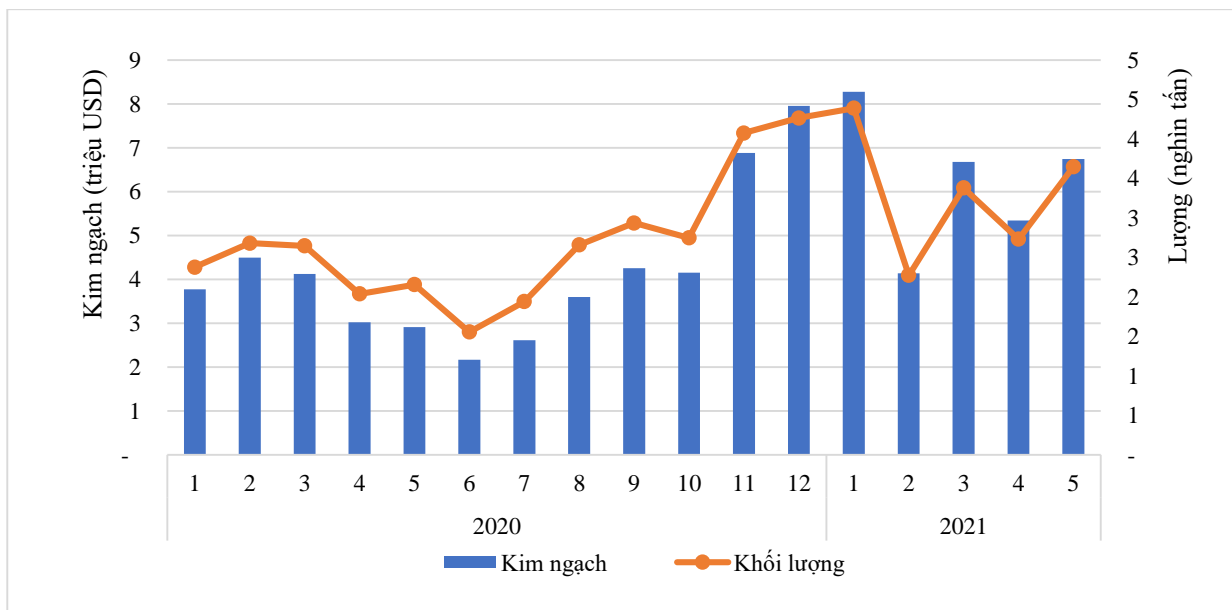
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP Eastwood Energy, Công ty TNHH Hoàng Đại Vương và Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 9,5%, 6,9% và 5,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 05/2021.

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 3,7 nghìn tấn với trị giá 6,7 triệu USD, tăng 33,6% về khối lượng và 26,2% về giá trị so với tháng trước, và tăng 69,2% về khối lượng và 131,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

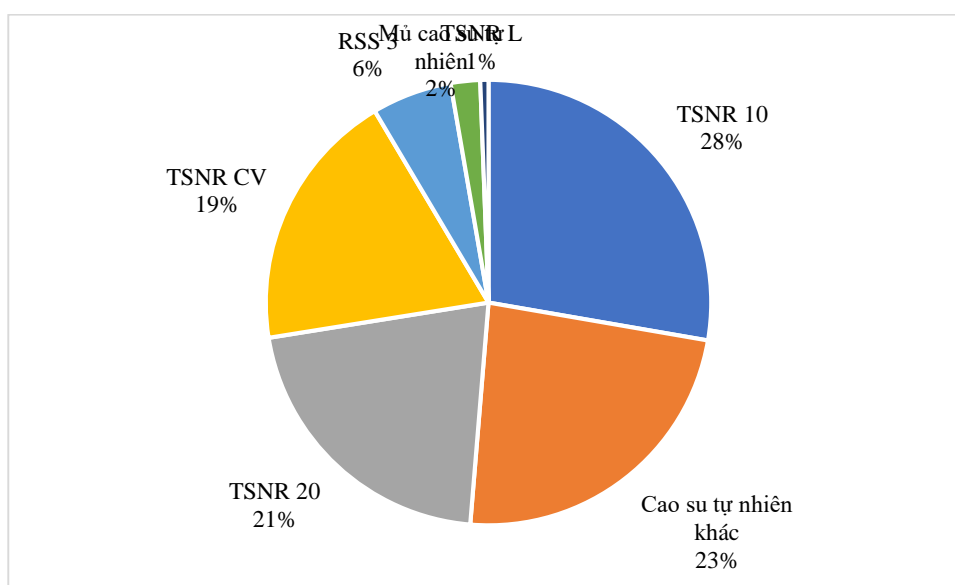
Hình 18: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,8 triệu USD, chiếm 27,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR 20 với kim ngạch 1,4 triệu USD, chiếm 21,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR CV và RSS 3 chiếm lần lượt 19,0% và 5,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

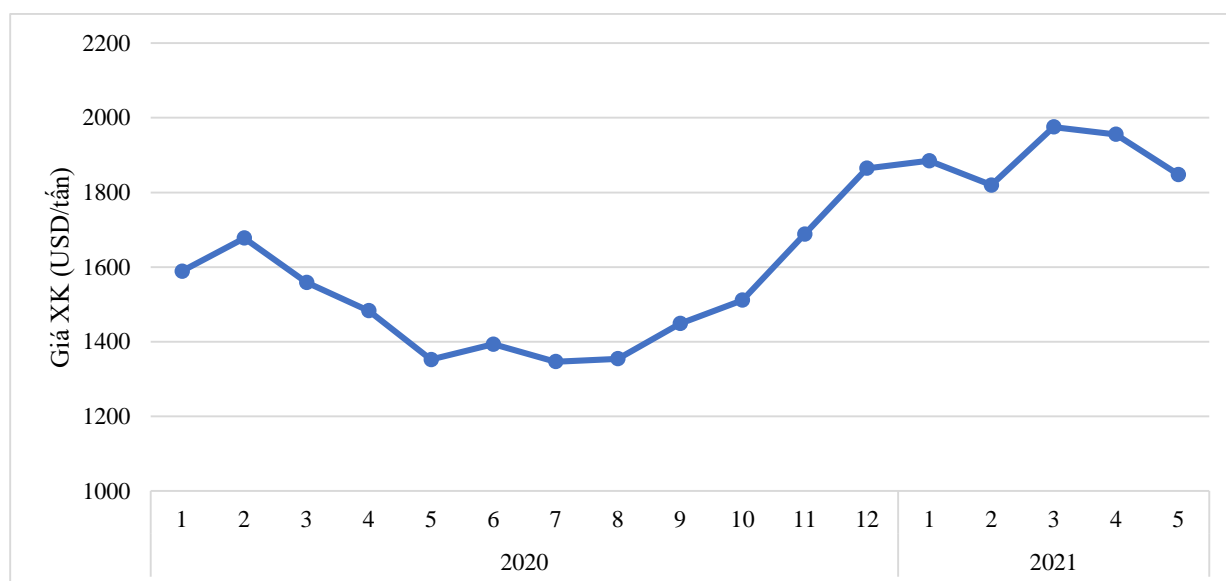
Hình 19: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 05/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.848 USD/tấn trong tháng 05/2021, giảm 5,5% so với tháng trước, và tăng 36,7% so với cùng kỳ 2020.

Hình 20: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP XNK Tổng hợp Bình Phước, Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh, Công ty CP Cao su Việt Phú Thịnh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 30,3%, 12,2% và 11,7% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 05/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo dự đoán mới nhất của USDA ra vào tháng 6/2021, nhập khẩu cà phê các loại của Hàn Quốc niên vụ 2021/2022 sẽ là 3.350 nghìn bao, đứng thứ 9 toàn cầu, không đổi so với niên vụ trước, trong đó nhập khẩu cà phê nhân ở mức 2,7 triệu bao, nhập khẩu cà phê rang xay là 350 nghìn tấn. Tiêu thụ nội địa là 3,05 triệu bao. Thị trường cà phê viên nén đang có xu hướng tăng trưởng tốt trong khi doanh thu từ cà phê cốc đang sụt giảm do ảnh hưởng của Covid 19. Nhiều cửa hàng cà phê quy mô nhỏ sẽ phải đóng cửa do ảnh hưởng của Covid 19.

2. Gỗ và sản phẩm gỗ

Mặc dù năm 2020 nền kinh tế Hàn Quốc chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhưng nhu cầu đồ nội thất, đặc biệt là các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ vẫn tăng trưởng tại thị trường này. Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc (KITA), nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hàn Quốc trong năm 2020 đạt 1,22 tỷ USD, tăng 7,9% so với năm 2019. Nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ tăng là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến mọi người phải dành nhiều thời gian hơn ở nhà, vì vậy nhu cầu cải tạo không gian sinh hoạt và làm việc tại nhà tăng. Đây là cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong thời gian tới.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 05/2021

STT	Sản phẩm	T5/2021 (USD)	Tăng/giảm so với T5/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	5.786.349	20,57%	3,01%
2	Cao su	6.745.405	131,30%	3,51%
3	Gỗ và SP gỗ	75.776.144	-2,31%	39,47%
4	Hàng rau quả	14.817.980	16,21%	7,72%
5	Hàng thủy sản	66.790.438	3,59%	34,79%
6	Hạt tiêu	3.689.874	379,18%	1,92%
7	Phân bón các loại	81.840	-42,51%	0,04%
8	Mây tre đan	2.490.443	48,48%	1,30%
9	SP từ cao su	9.534.786	83,87%	4,97%
10	Sắn và SP từ sắn	4.884.107	101,23%	2,54%
11	TAGS & NL	1.390.685	41,87%	0,72%
Tổng XK NLTS		191.988.051		100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 5/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 5/2020		Tháng 5/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo trắng	355	176.399	10.133	5.906.815	2757,6%	3248,5%
2.	Các loại gạo khác	53	29.979	50	30.049	-4,7%	0,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 5/2021

Mặt hàng	T5/2020	T5/2021	So sánh 2020/2021
Chưa rang chưa khử cafein	3.500.038	3.656.645	4,47%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	600.218	1.102.663	83,71%
Đã rang chưa khử cafein	354.587	491.683	38,66%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	337.679	423.706	25,48%
Chưa rang đã khử cafein	-	64.806	-
Khác (vỏ, chất thay thế chứa cà phê)	6.656	43.841	558,68%
Tổng	4.799.177	5.783.344	20,51%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 5/2020	Tháng 5/2021	So sánh 2021/2020
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	12.751.061	14.817.980	16,2%
1	Ớt	2.487.426	3.477.196	39,8%
2	Hạt mè	2.634.948	3.452.249	31,0%
3	Xoài	1.555.308	2.103.742	35,3%
4	Chuối	473.868	605.310	27,7%
5	Thanh long	364.473	523.325	43,6%
6	Khác	5.235.038	4.656.159	-11,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	T5/2020 (USD)	T5/2021	So sánh 2021/2020
	Tổng giá trị XK	2.427.149	4.884.107	101,2%
1	Sản, mì thô, thái lát, đông lạnh	2.292.267	4.864.575	112,2%
2	Tinh bột sản	109.930	19.532	-82,2%
3	Sản phẩm sản chế biến	24.952	-	-100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Hàn Quốc

TT	Sản phẩm	T5/2020 (USD)	T5/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
1	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	142.094,4		
2	Thịt khác	45.167,7	57.521,4	27%
3	Mỡ			
4	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	1.594,3		
	Tổng	188.856,4	57.521,4	-70%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 8: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 5/2021

Loại sản phẩm	Tháng 5/2021 (USD)	Tháng 5/2020 (USD)	So sánh 2021/2020 (%)
Cá da trơn	521.038,59	206.446,70	152,4%
Cá nư	418.914,50	6.210,00	6645,8%
Cá rô phi	231.722,02	178.382,75	29,9%
Cua, ghe	213.720,46	6.774,24	3054,9%
Mực và bạch tuộc	19.185.142,15	18.127.198,60	5,8%
Tôm	33.190.856,19	31.180.973,20	6,4%
Thủy sản khác	13.064.902,96	14.771.459,52	-11,6%
Tổng	66.826.296,86	64.477.445,00	3,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan